

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/DS-ST
Ngày: 27-4-2022
V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán tài sản

**NHÂN DAH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đinh Thị Kim Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trung
2. Ông Phan Văn Sơn

- Thư ký phiên toà: Bà Võ Thị Hồng Thắm – Thư ký Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Xuân Hoàng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 141/2022/TLST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2022/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đặng Vĩnh A, sinh năm 1991; Nơi cư trú: ấp H, xã H1, huyện M1, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1962; Địa chỉ: số 162B3, khu phố 5, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre (có mặt)

- Bị đơn: Ông Đoàn Văn T, sinh năm 1967 và bà Võ Thị T1, sinh năm 1968; Nơi cư trú: ấp T2, xã T3, huyện M1, tỉnh Bến Tre (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Vĩnh A, lời khai trong quá trình tố tụng của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn L có nội dung như sau:

Từ tháng 01 năm 2019 đến tháng 02 năm 2021, ông Đặng Vĩnh A có bán thức ăn chăn nuôi vịt, vịt giống và thuốc thú y cho vợ chồng ông T, bà T1. Hai bên thỏa thuận bằng lời nói, khi giao nhận có lập sổ theo dõi. Phương thức thanh toán gởi đầu giao hàng chuyển sau thì thanh toán chuyển trước (khoảng hơn 01 tháng). Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, giai đoạn từ ngày 06/01/2021 đến ngày 21/02/2021, ông T và bà T1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 21/02/2021, hai bên tổng kết nợ, ông T và bà T1 còn nợ ông A tổng số tiền là 80.000.000 đồng. Ông T và bà T1 cam kết sẽ thanh toán cho ông A số tiền trên trong thời hạn 30 ngày sau khi chốt nợ nhưng đến nay sau rất nhiều lần yêu cầu nhưng ông T và bà T1 vẫn chưa trả.

Nay ông A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Đoàn Văn T và bà Võ Thị T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông A tổng số tiền nợ mua thức ăn chăn nuôi là 80.000.000 đồng. Đồng thời, ông A yêu cầu tính lãi của số tiền nợ nêu trên từ ngày 21/02/2021 đến ngày 21/4/2022 là 14 tháng với mức lãi suất 0,83% mỗi tháng, thành tiền là: 9.296.000 đồng.

Bị đơn ông Đoàn Văn T trình bày trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa như sau:

Ông thừa nhận ông và vợ ông là bà Võ Thị T1 còn nợ ông Đặng Vĩnh A tiền mua thức ăn chăn nuôi vịt, vịt giống, thuốc thú y tổng cộng là 80.000.000 đồng. Ông xác nhận đây là khoản nợ chung của vợ chồng ông và bà T1. Ông đồng ý cùng bà T1 liên đới trả cho ông A tổng số tiền trên nhưng ông không đồng ý trả lãi và xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi dứt nợ.

Bị đơn bà Võ Thị T1 trình bày trong quá trình tố tụng tại phiên tòa như sau:

Bà thừa nhận vợ chồng bà và ông Đoàn Văn T còn nợ ông Đặng Vĩnh A tiền mua thức ăn chăn nuôi vịt, vịt giống, thuốc thú y tổng cộng là 80.000.000 đồng. Đây là nợ chung của vợ chồng. Nay ông A khởi kiện thì bà đồng ý cùng ông T liên đới trả cho ông A tổng số tiền trên với điều kiện trả dần hàng tháng, mỗi tháng trả 1.000.000 đồng đến khi dứt nợ. Đồng thời, bà không đồng ý với yêu cầu tính lãi của ông A vì hiện tại khả năng trả vốn gốc đã không nổi nên xin không trả lãi.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu qua điểm như sau:

Về tố tụng: Các giai đoạn tố tụng của vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa thực hiện nhiệm vụ tuân thủ đúng quy định pháp luật, người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định pháp luật nên đề nghị tiếp tục xét xử vụ án.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn ông Đoàn Văn T và bà Võ Thị T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Đặng Vĩnh A số tiền nợ gốc là 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng và tiền lãi của số tiền trên tính từ ngày 21/02/2021 đến ngày 21/4/2022 với mức lãi suất 0,83%/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, người đại diện theo ủy quyền của đương sự, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Đặng Vĩnh A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đoàn Văn T và bà Võ Thị T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông số tiền nợ mua thức ăn chăn nuôi vịt, vịt giống, thuốc thú y tổng cộng là 80.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi của số tiền này nên xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp hợp đồng dân sự, cụ thể là hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại Điều 430 của Bộ luật Dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Ông A cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm bởi hành vi vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo hợp đồng của vợ chồng ông T và bà T1 nên ông A có quyền khởi kiện theo quy định tại Điều 186 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bị đơn ông Đoàn Văn T và bà Võ Thị T1 nơi cư trú tại ấp T2, xã T3, huyện M2, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào quan hệ pháp luật tranh chấp và nơi cư trú của bị đơn xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả tiền nợ gốc 80.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận định: Nguyên đơn và bị đơn thống nhất những nội dung cơ bản của hợp đồng mua bán tài sản như hình thức hợp đồng bằng lời nói, phương thức mua bán, phương thức thanh toán, ... Quá trình thực hiện hợp đồng, phía bị đơn có vi phạm nghĩa vụ trả tiền, cụ thể ngày 21/02/2021 hai bên chốt sổ, ông T và bà T1 còn nợ ông A tổng số tiền là 80.000.000 đồng. Chứng cứ phía nguyên đơn đưa ra là Cuốn sổ theo dõi các đợt giao thức ăn trong đó có trang cuối tại bút lục số 71 có nội dung nguyên đơn cho rằng chốt nợ và được bị đơn bà Võ Thị T1 ký tên xác nhận. Tuy nhiên, ông T cho rằng phía nguyên đơn có tính toán sai trong sổ này nhưng sau khi kiểm tra, đối chiếu thì thấy rằng ý kiến của ông T không nằm trong giai đoạn mua bán mà nguyên đơn

khởi kiện nên Hội đồng xét xử không xem xét. Tại phiên tòa, bà T1 xác nhận việc bà chót nợ với ông A bà có báo lại với ông T và ông T cũng trình bày ông A có đến nhà để yêu cầu thanh toán số nợ 80.000.000 đồng. Như vậy chứng tỏ ông T đã xác định được số nợ từ trước. Từ các cơ sở trên, có đủ căn cứ xác định bị đơn ông Đoàn Văn T và bà Võ Thị T1 còn nợ ông Đặng Vĩnh A tổng số tiền là 80.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 440 của Bộ luật Dân sự buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền trên.

[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả lãi của số tiền nợ gốc, Hội đồng xét xử nhận định: Ông T và bà T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo hợp đồng nên phải có nghĩa vụ trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 3 Điều 440 của Bộ luật Dân sự. Hợp đồng mua bán tài sản giao kết giữa ông A và ông T, bà T1 không thỏa thuận về lãi chậm trả nên mức lãi suất được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Ông A yêu cầu tính lãi đối với số tiền nợ gốc 80.000.000 đồng từ ngày 21/02/2021 đến ngày 21/4/2022 là 14 tháng với mức lãi suất 0,83%/tháng, thành tiền là 9.296.000 đồng, phù hợp với các quy định nói trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ. Đồng thời, ý kiến của phía bị đơn không đồng ý trả lãi không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông T và bà T1 có nghĩa vụ liên đới trả nợ, Hội đồng xét xử nhận định: Ông T và bà T1 là vợ chồng, việc bà T1 thỏa thuận mua bán và thực hiện giao nhận thức ăn với phía ông A, bà T1 ký tên xác nhận nợ, ông T đều có biết và ông cũng có ký nhận trong sổ theo dõi một số lần, việc mua bán thức ăn chăn nuôi để làm kinh tế chung của vợ chồng, tại phiên tòa ông T và bà T1 đều đồng ý nghĩa vụ liên đới trả nợ cho ông A nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 27, 37 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông T và bà T1 có nghĩa vụ liên đới trả nợ.

[7] Xét ý kiến của bị đơn về việc đề nghị trả dần, Hội đồng xét xử nhận định: Về phương thức trả tiền một lần hay nhiều lần do các bên tự nguyện thỏa thuận, nếu phù hợp quy định pháp luật thì được Hội đồng xét xử ghi nhận. Tuy nhiên, tại phiên tòa, phía nguyên đơn không đồng ý cho bị đơn trả dần. Nguyên đơn và bị đơn không có thỏa thuận nào về việc cho trả dần số tiền nợ này nên yêu cầu trả dần của bị đơn không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[9] Xét về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông A được chấp nhận nên bị đơn ông T và bà T1 có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm

có giá ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 27, 37 của Luật hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 357, 430, 440, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 và 37 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Vĩnh A.

Buộc bị đơn ông Đoàn Văn T và bà Võ Thị T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn ông Đặng Vĩnh A số tiền nợ gốc tổng cộng là: 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng và tiền lãi là 9.296.000 (chín triệu hai trăm chín mươi sáu nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: 4.465.000 đồng do ông Đoàn Văn T và bà Võ Thị T1 có nghĩa vụ liên đới chịu.

Hoàn trả cho ông Đặng Vĩnh A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.116.000 (hai triệu một trăm mười sáu nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001512 ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự (3b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- TAD tỉnh Bến Tre (1b);
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng (4b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Kim Ngân